

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 01 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Dương;
- Bà Lê Thị Phương Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1108/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 765/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Nguyễn Bảo T, sinh năm: 1997 (Có mặt).

Nơi thường trú: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Nơi thường trú: Số B L, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 30/8/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Đặng Nguyễn Bảo T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Minh H quen biết tìm hiểu nhau năm 2020, tự nguyện xây dựng gia đình năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Cần Thơ, có tổ chức cưới. Sau khi xây dựng gia đình xong, vợ chồng bà sống tại Cần Thơ. Sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính chất công việc, ông H thường đi làm xa nhà, lấy lý do công việc nên rất ít ở nhà, vì vậy mà giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, cuối năm 2023 bà phát hiện ông H có quan hệ với người phụ nữ khác có con riêng, ông H cũng thừa nhận điều đó, từ tháng 3/2024 bà và ông H đã ly thân và sống riêng từ đó. Bà nhận bà và ông H không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Phúc T1, sinh ngày 10/12/2021, bà cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung.

** Bị đơn là ông Nguyễn Minh H vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 30/8/2024 và tại phiên tòa, bà Đặng Nguyễn Bảo T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Minh H, con chung có 01 cháu bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông H hiện đang cư trú tại địa chỉ số B L, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điều a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (anh trai ông H là ông Nguyễn Trung S nhận thay ông H các văn bản tố tụng nêu trên) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Nguyễn Bảo T và ông Nguyễn Minh H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2022, ngày 25/02/2022 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Cần Thơ cấp, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà T thì bà và ông H tự nguyện xây dựng gia đình năm 2022, sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường xuyên đi làm xa nhà, ít về thăm gia đình, vì vậy giữa vợ chồng hay xảy ra cãi vã, cuối năm 2023 bà phát hiện ông H chung sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng, ông H cũng thừa nhận điều này, từ tháng 3/2024 bà và ông H ly T2, sống riêng, bà nhận thấy bà không thể chấp nhận cuộc sống như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông H không đến Tòa án theo giấy triệu tập để có ý kiến về mối quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T, điều đó cho thấy ông H không còn muốn duy trì quan hệ vợ chồng cùng với bà T, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà T cung cấp, hiện bà T và ông H không còn chung sống cùng một địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy

định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nhận thấy tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà T và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Phúc T1, sinh ngày 10/12/2021, ông H không đến Tòa án để có ý kiến về các con chung, hiện cháu T1 đang sống cùng mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà T, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Trường hợp sau này bà T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung:

Bà T xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà T xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Đặng Nguyễn Bảo T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Đặng Nguyễn Bảo T về việc cho ly hôn giữa bà Đặng Nguyễn Bảo T và ông Nguyễn Minh H.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2022, ngày 25/02/2022 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Cần Thơ cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Đặng Nguyễn Bảo T và ông Nguyễn Minh H có 01 con chung tên Nguyễn Đặng Phúc T1, sinh ngày 10/12/2021.

Giao cháu T1 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Đặng Nguyễn Bảo T xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Đặng Nguyễn Bảo T xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Đặng Nguyễn Bảo T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016270 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thúy Ái

